

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/12/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+P4+TD3	7:25	22	0	19+2+1	0		
2		BK16+CTK3	7:25	7+15	0+0	4+18	0+0		
3		P10+PPD+GTCl	9:25	5+10+6	0+0+0	0+15+6	0+0+0		
4		BK8+PPD+AMD	9:25	0+11+10	0+0+0	0+3+19	0+0+0	chuyen 1 bk8-PPD	
5		CTK3+BK14+BK16	11:25	17+4+0	0+0+0	17+3+2	0+0+0		

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ Đi về trong ngày BK16-1ng



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: PPD - P4 - TD3	CREW: DUONG - HTRUNG - THU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/5002	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LE QUANG HUNG	PPD	61	1	13	5	90	74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO VIET ANH	PPD	76	1	2			72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRUONG GIANG	PPD	70	1	2			58	KH-THAC	Vietnamese
4	CHU QUYNH AN	PPD	60	1	6			105	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI HUU HUAN	PPD	73	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
6	VO HO HAI	PPD	72	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN QUANG HOA	PPD	62	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM THANH KIM	PPD	80-81	2	13			63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HA	PPD	74	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN MANH CHIEN	PPD	77	1	9			57	KH-THAC	Vietnamese
11	TO QUOC THINH	PPD	67-68	2	10			56	KH-THAC	Vietnamese
12	LE SINH TAM	PPD	69	1	4			98	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐANG XUAN HAI	PPD	64	1	8			63	KH-THAC	Vietnamese
14	LUONG VAN TANG	PPD	78	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐANG DINH HOA	PPD	75	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
16	VU ĐUC TON	PPD	71	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI NGOC DUNG	PPD	66	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
18	DUONG ĐAI THANG	PPD	82-83	2	16			76	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN HOAI BAO	PPD	63	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐAU TRONG HOANG	PPD	89-90	2	11			68	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN MINH KHOI	PPD	79	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐANG THANH TRUNG	PPD	65	1	9			80	XNKI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	22	1.544	26	160	5	90	19		
2	P4	0	0	0	0	0	0	2		
3	TD3	0	0	0	0	0	0	1		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.544</b>	<b>26</b>	<b>160</b>	<b>5</b>	<b>90</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.544</b>		<b>160</b>		<b>90</b>			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS.REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BUI HOANG DUONG   
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: BK16 - CTK3	CREW: LINH - M.ĐỨC - MTHÀNH	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/5005	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HOANG NGOC TUNG	BK16	82	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DINH ĐỨC	BK16	84	1	5			104	DK9	Vietnamese
3	ĐÀO KIM CUƠNG	BK16	85	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ MINH THẮNG	BK16	81	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯU ĐỨC TUẤN	BK16	80	1	5			91	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THANH HAI (17773)	BK16	83	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
7	KIỀU VĂN TUẤN	BK16	86	1	4			75	PSV	Vietnamese
8	BOGDANOV EV	CTK3	08	1	6			81	KH-THAC	Russian
9	TRỊNH QUỐC HUY	CTK3	14	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ CÔNG KHANG	CTK3	09	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN ĐU	CTK3	10	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỒNG ANH	CTK3	02	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CTK3	12	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ CANH HÙNG	CTK3	13	1	5	4	80	64	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐAM VĂN THANH	CTK3	15-16	2	12			70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ HOANG NAM	CTK3	11	1	13			76	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VĂN CUƠNG	CTK3	07	1	9			76	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ THANH CHUNG	CTK3						63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGÔ QUANG THẮNG	CTK3	05-06	2	9			81	KH-THAC	Vietnamese
20	PHÙNG ĐÌNH HAI	CTK3	01	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	03	1	9			59	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN MINH ĐIỆN*	CTK3	04	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK16	7	536	7	39	0	0	4		
2	CTK3	15	1.040	16	97	4	80	18		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.576</b>	<b>23</b>	<b>136</b>	<b>4</b>	<b>80</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.576</b>		<b>136</b>		<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

DINH THI HOA

CREW

NGO VAN LINH   
 NGUYEN MINH ĐỨC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: P10 - P2 - GTC1	CREW: DƯƠNG - HTRUNG - THỤ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3	VNHS FLIGHT: TM25/5003		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN ĐỨC	P10	03	1	15			78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TÂM	P10	02	1	14			76	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN TIỆP	P10	04-05	2	18			79	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	P10	06-07	2	19	3	57	62	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ CHI CÔNG	P10	01	1	10			53	KH-THAC	Vietnamese
6	OPARIN A.A.	P2	03	1	7			76	XNKT	Russian
7	PHAN TẤT THĂNG	P2	26	1	3			64	TTYT	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU PHƯƠNG	P2	1000	1	11			68	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN QUYẾT	P2	25	1	5			85	QUYẾT TH	Vietnamese
10	MIKHAILOV E.V	P2	04	1	5			91	D-HANH	Russian
11	HUYNH XUÂN TRƯỜNG	P2	02	1	6			76	D-HANH	Vietnamese
12	LÊ HỒNG ĐẠI	P2	27	1	7			73	D-HANH	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH HAI	P2	28-29	2	15			104	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU THÈ	P2						67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG THĂNG	P2	05	1	2			76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN PHI KHAI HOAN	GTC1	19	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC ANH	GTC1	16	1	4	2	26	91	ANTOAN	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HÙNG	GTC1						80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN SƠN TÙNG	GTC1						77	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VĂN TUYẾN	GTC1						67	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ QUANG HÀ	GTC1	17	1	6			78	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	5	348	7	76	3	57	0		
2	P2	10	780	10	61	0	0	16		
3	GTC1	6	462	3	15	2	26	6		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.590</b>	<b>20</b>	<b>152</b>	<b>5</b>	<b>83</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.590</b>		<b>152</b>		<b>83</b>			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
B.CARD: TRANG-2	TO: BK8 - P2 - AMD	CREW: LINH - M.ĐỨC - MTHÀNH	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/5006	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN QUANG VINH	P2	01	1	5			102	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	P2	66	1	10			65	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN VĨNH	P2	04	1	8			70	KHI	Vietnamese
4	TRẦN LÊ RĂNG	P2	67	1	4			75	KHI	Vietnamese
5	LÊ THANH ĐẠT	P2						103	KHI	Vietnamese
6	LÊ VĂN HOAN	P2						71	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT MINH HOANG	P2	68	1	10			81	ANTOAN	Vietnamese
8	PHAN VĂN THỊNH	P2	02	1	7			74	NIPI	Vietnamese
9	TRẦN KHOA TRƯỜNG	P2	03	1	8			78	NIPI	Vietnamese
10	LÊ TRẦN MINH KHANH	P2	69	1	8			60	PSV	Vietnamese
11	VŨ CHI KIẾN	P2						77	KH-THAC	Vietnamese
12	GARY SCOTT FEARN	AMD	01	1	5			89	BAB	British
13	TRẦN LÊ HOA	AMD	03	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC TUẤN	AMD	07	1	3			57	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	AMD	09	1	10	5	61	62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	02	1	5			48	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	AMD	04	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
18	TƯỚNG ANH CẠC	AMD	05	1	8			58	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TƯỜNG	AMD	08	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
20	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	10	1	14			67	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ CHI CUƠNG	AMD	06	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK8	0	0	0	0	3	57	0	1	CHUYEN 1 PAX BK8-P2
2	P2	11	856	8	60	0	0	2		
3	AMD	10	639	10	67	5	61	19		
TOTAL		21	1.495	18	127	8	118	21		
WEIGHT KG			1.495		127		118			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGÔ VĂN LINH  
NGUYỄN MINH ĐỨC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: TRANG-3	TO: CTK3 - BK14 - BK16	CREW: HUNG - NPHU - TU	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 5	VNHS FLIGHT: TM25/5004		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRAN DOAN TUAN MINH	CTK3	36	1	4			88	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC THUAN	CTK3	32	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HOANG*	CTK3	37	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM HONG SON (10908)	CTK3	39-40	2	20			63	KH-THAC	Vietnamese
5	DO VAN CONG	CTK3	35	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN MANH HUNG	CTK3	38	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC TUAN	CTK3	31	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
8	DO VAN BINH	CTK3	34	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
9	DO HUU DUC*	CTK3	33	1	12			94	KH-THAC	Vietnamese
10	DO THANH TUNG	CTK3	26	1	10			66	CODIEN	Vietnamese
11	PHAM THAI SON	CTK3	29-30	2	12			59	CODIEN	Vietnamese
12	DO VIET LONG	CTK3	23-24	2	17			58	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYEN TRUNG PHONG*	CTK3	27-28	2	21			68	CODIEN	Vietnamese
14	TRINH CONG SON*	CTK3	25	1	9			54	CODIEN	Vietnamese
15	TA HONG GIANG	CTK3	21	1	4			65	PSV	Vietnamese
16	PHAM HONG DIEN	CTK3	22	1	5			66	PSV	Vietnamese
17	TRAN DUC CUONG	BK14	25	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
18	DANG CONG DANH	BK14	14-16	3	20			77	CODIEN	Vietnamese
19	BUI VAN TUAN	BK14	20	1	20			65	XAYLAP	Vietnamese
20	DANG XUAN TRUONG	BK14	13-14	2	20	4	60	56	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	16	1.110	20	157	0	0	17		
2	BK14	4	281	7	68	4	60	3		
3	BK16	0	0	0	0	1	20	2		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.391</b>	<b>27</b>	<b>225</b>	<b>5</b>	<b>80</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.391</b>		<b>225</b>		<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.696 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

LAI HONG DIEP

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
ĐÀO NGỌC PHÚ

